

Số: /TTr-UBND
(Dự thảo)

Lai Châu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 43/QĐ-HĐND ngày 08/02/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các nghị quyết trình HĐND tỉnh ban hành trong năm 2021, trong đó có danh mục Nghị quyết quy định về thực hiện phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về thực hiện phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Tại Khoản 3, Điều 9 Luật NSNN năm 2015, quy định: "*Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn*".

Tại Điểm c, Khoản 9, Điều 30 Luật NSNN năm 2015, quy định: "*Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều p của Luật này*".

Tại Điểm d, Khoản 9, Điều 30 Luật NSNN năm 2015, quy định: "*Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương*;"

Tại Điểm a, Khoản 9, Điều 31 Luật NSNN năm 2015, quy định: UBND cấp tỉnh "*Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9, Điều 30 của Luật này;*"

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, quy định kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021. Theo đó Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020, Nghị quyết số 43/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sang năm 2021 hết hiệu lực vào ngày 31/12/2021.

Từ những quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 của tỉnh Lai Châu.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Việc ban hành phân cấp nguồn thu nhằm khai thác tối đa các khoản thu ngân sách; gắn quyền hạn và trách nhiệm của các cấp chính quyền trong công tác quản lý và khai thác nguồn thu ngân sách.

- Tạo chủ động của cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý, điều hành ngân sách, tăng khả năng tự cân đối, phấn đấu giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; sử dụng ngân sách tiết kiệm, có hiệu quả.

- Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, ngân sách một cách đồng bộ, toàn diện; tăng tính công khai, minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách ở các cấp, các ngành.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Ban hành phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đảm bảo mục tiêu quan trọng về ngân sách theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

- Tập trung khắc phục những vướng mắc và kế thừa những mặt tích cực của phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2021, đảm bảo khả thi trong tổ chức thực hiện.

- Phù hợp trình độ và khả năng quản lý; tăng quyền hạn và trách nhiệm các địa phương trong quản lý ngân sách; khuyến khích các huyện, thành phố tăng thu ngân sách để chi đầu tư.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sau khi Quyết định danh mục các nghị quyết trình Hội đồng nhân tỉnh ban hành trong năm 2021 được Thường trực HĐND tỉnh ban hành tại Quyết định số 43/QĐ-HĐND ngày 08/02/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo Nghị quyết quy định về thực hiện phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2021 và Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 5/3/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2021.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết quy định về thực hiện phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 và tổ chức lấy ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố theo Văn bản số 1205/STC-NS ngày 19/7/2021 của Sở Tài chính. Toàn bộ nội dung, hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tài chính gửi Văn phòng UBND tỉnh đăng tải lên mục "LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT" trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày 19/7/2021 đến ngày 19/8/2021 và Sở Tài chính cũng đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.laichau.gov.vn> từ ngày 19/7/2021 đến ngày 19/8/2021. Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia, Sở Tài chính tổng hợp, chỉnh sửa và xin ý kiến các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 1411/STC-NS ngày 19/8/2021. Đồng thời, dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan chủ trì soạn thảo xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 963/BC-STP ngày 23/8/2021.

Dự thảo Nghị quyết quy định về thực hiện phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 chương với 18 điều, nội dung chính như sau:

Chương I: Quy định chung, gồm 02 điều (từ Điều 1 đến Điều 2)

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi

Chương II: Phân cấp nguồn thu và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương, gồm 05 điều (từ Điều 3 đến Điều 7)

Mục 1: phân cấp nguồn thu ngân sách

Điều 3. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%

Điều 5. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

Điều 6. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh - ngân sách cấp huyện - ngân sách cấp xã

Mục 2: Tỷ lệ phân trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương

Điều 7. Phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách (có phụ lục thu kèm theo nghị quyết)

Chương III: Phân cấp nhiệm vụ chi, gồm 09 điều (từ Điều 8 đến Điều 16)

Mục 1: Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

Điều 8. Chi đầu tư phát triển

Điều 9. Chi thường xuyên cho các lĩnh vực

Điều 10. Các khoản chi khác của ngân sách tỉnh

Mục 2: Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

Điều 11. Chi đầu tư phát triển

Điều 12. Chi thường xuyên cho các lĩnh vực

Điều 13. Các khoản chi khác của ngân sách cấp huyện

Mục 3: Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

Điều 14. Chi đầu tư phát triển

Điều 15. Chi thường xuyên cho các lĩnh vực

Điều 16. Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã

Chương IV: Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 17 đến điều 18)

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Điều 18. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phân chia giữa các cấp NSDP

Việc quy định các khoản thu 100% các cấp ngân sách (Cấp tỉnh; cấp huyện và cấp xã) hưởng kế thừa Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐN và quy định tại Điều 37 của Luật Ngân sách nhà nước; Dự thảo quy định chi tiết các sắc thuế đối với các khoản thu: Thu doanh nghiệp Trung ương và thu doanh nghiệp ngoài quốc doanh đảm bảo theo quy định của luật, làm rõ quy định, tỷ lệ phân chia đối với đối với khoản thu tiền sử dụng đất. Đối với tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách quy định bằng biểu cụ thể và chi tiết các

khoản thu, tỷ lệ phần trăm hưởng của từng cấp ngân sách đảm bảo đơn giản, dễ kiểm tra, tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời bổ sung thêm một số khoản thu phân chia cho cấp ngân sách xã theo quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

2.1.1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%

1. Thuế tài nguyên; Thuế tài nguyên nước của các tổ chức, doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh quản lý thu (Trừ thuế tài nguyên nước công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 20 MW trở xuống).

2. Thuế giá trị gia tăng của các tổ chức, doanh nghiệp (bao gồm cả các doanh nghiệp vắng lai) do Cục thuế tỉnh quản lý thu.

3. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế TNDN của đơn vị hạch toán toàn ngành và thu từ hoạt động XSKT) thu của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các đơn vị khác do Cục thuế tỉnh quản lý thu.

4. Lệ phí môn bài thu từ các tổ chức, doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh quản lý thu.

5. Tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do cơ quan cấp tỉnh quản lý và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (bao gồm cả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với nhà) của địa phương quản lý.

6. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

7. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu.

8. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

9. Thu từ bán tài sản gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất (bao gồm cả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản; không kể bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước) do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý; Thu từ bán các tài sản khác do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

10. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh.

11. Phí (*Không bao gồm Phí Bảo vệ môi trường*) thu từ các hoạt động dịch vụ, do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; Phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

12. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý thực hiện thu (trừ lệ phí môn bài).

13. Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý ra quyết định xử phạt, tịch thu.

14. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh quản lý xử lý (sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật).

15. Thu huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

16. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản do Cục thuế tỉnh quản lý.

17. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng (*30% số thu đối với giấy phép do Trung ương cấp, 100% số thu đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp*); Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

18. Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công do cấp tỉnh quản lý

19. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

20. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) cấp tỉnh; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục thuế tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do Cục thuế tỉnh quản lý thu thuế.

21. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp khác do Cục thuế tỉnh quản lý thu.

22. Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu).

23. Thu kết dư ngân sách tỉnh.

24. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh.

25. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

26. Thu từ hoạt động sự nghiệp nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

27. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý thu.

2.1.2. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%

1. Thuế tài nguyên của các tổ chức, doanh nghiệp do Chi cục thuế quản lý thu; Thuế tài nguyên nước đối với công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 20 MW trở xuống. Trường hợp nhà máy thủy điện (nơi có tuabin, đập thủy điện

và những cơ sở vật chất chủ yếu của nhà máy thủy điện) nằm chung trên địa bàn các huyện, thực hiện phân chia cho các huyện áp dụng theo quy định như với trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (trừ thuê tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản).

3. Tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

4. Thu từ bán tài sản gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất (bao gồm cả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản; không kể bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước) do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp huyện quản lý; Thu từ bán các tài sản khác do cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý.

5. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật.

6. Phí (*Trừ Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản*) thu từ các hoạt động dịch vụ, do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; Phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp huyện quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật; Số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

7. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện quản lý thu (*Trừ Lệ phí Môn bài thu từ hộ, cá nhân kinh doanh*).

8. Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định xử phạt, tịch thu.

9. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý (sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật).

10. Huy động đóng góp (trừ huy động đóng góp từ khai thác khoáng sản để đảm bảo kết cấu hạ tầng giao thông) từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

11. Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

12. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện.

13. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.

14. Thuế giá trị gia tăng thu từ các cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp do Chi cục thuế khu vực quản lý thu trên địa bàn các huyện, thành phố (Bao gồm cả Thuế giá trị gia tăng thu từ công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 20 MW trở xuống).

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các doanh nghiệp do Chi cục thuế khu vực quản lý thu trên địa bàn các huyện, thành phố (Bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 20 MW trở xuống).

16. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) cấp huyện; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục thuế khu vực quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do Chi cục thuế khu vực quản lý thu thuế.

17. Lệ phí trước bạ (*Trừ lệ phí trước bạ nhà đất*).

18. Thu tiền đền bù thiệt hại quỹ đất công do cấp huyện quản lý.

19. Thu từ hoạt động sự nghiệp nộp vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

20. Thuế tiêu thụ đặc biệt do Chi cục thuế khu vực quản lý thu.

21. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp, đơn vị khác do cấp huyện quản lý thu.

22. Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Thu phí, phần phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp xã quản lý thực hiện thu.

2. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp xã quản lý thực hiện thu (trừ lệ phí trước bạ nhà đất; lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân).

3. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

4. Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp xã quản lý ra quyết định xử phạt, tịch thu.

5. Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp theo quy định của pháp luật; đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã; các khoản đóng góp theo nguyên tắc

tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý.

6. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã theo quy định của pháp luật.

7. Thu tiền cho thuê tài sản do các cơ quan nhà nước, các đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã quản lý.

8. Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công ích do xã quản lý.

9. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

10. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện cho ngân sách cấp xã.

11. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

12. Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

13. Thu thu nhập cá nhân của cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước do UBND xã, phường, thị trấn thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước.

14. Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

2.1.4. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh - ngân sách cấp huyện - ngân sách cấp xã

1. Thu tiền sử dụng đất (không kể thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với nhà trên đất hoặc tài sản khác trên đất thuộc sở hữu nhà nước).

2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thu từ hộ gia đình

4. Lệ phí trước bạ nhà, đất

5. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.

6. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (trừ thuê tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản).

2.1.5. Phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp NSDP

PHỤ LỤC TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2022-2025

	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã, phường, thị trấn
1	Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý			
a	Thuế giá trị gia tăng	100		
	Trong đó: Thuế GTGT được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT		100	
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
c	Thuế tài nguyên	100		
d	Lệ phí môn bài	100		
2	Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty Cổ phần và chi nhánh các doanh nghiệp tỉnh khác đóng trên địa bàn tỉnh do Cục thuế tỉnh quản lý thu			
a	Thuế giá trị gia tăng	100		
	Trong đó: Thuế GTGT được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT		100	
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
c	Thuế tài nguyên	100		
	<u>Trong đó:</u>			
+	Thuế tài nguyên nước các công trình thủy điện có công suất thiết kế trên 20MW	100		
+	Thuế tài nguyên nước các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 20MW trở xuống		100	
d	Lệ phí môn bài	100		
-	Thu hoàn vốn (Doanh nghiệp có vốn tham gia của Nhà nước)	100		
3	Thu từ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tỉnh khác kinh doanh trên địa bàn huyện, thành phố do Chi cục thuế khu vực quản lý thu			
a	Thuế giá trị gia tăng (Bao gồm cả các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 20 MW trở xuống)		100	
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Bao gồm cả các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 20MW trở xuống)		100	
c	Thuế tài nguyên		100	
	<u>Trong đó:</u>			

+	Thuế tài nguyên nước các công trình thủy điện có công suất thiết kế trên 20MW	100		
+	Thuế tài nguyên nước các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 20MW trở xuống		100	
d	Lệ phí môn bài		100	
4	Thu hoạt động kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân (Không kể hoạt động kinh doanh vận tải)			
a	Thuế giá trị gia tăng		100	
b	Thuế tài nguyên		100	
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt		100	
d	Lệ phí môn bài		30	70
5	Thuế thu từ hoạt động kinh doanh vận tải của các cá nhân, hộ tư nhân			100
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
	Các tổ chức kinh tế do Cục thuế tỉnh quản lý thu	100		
	Các tổ chức kinh tế do Chi cục thuế khu vực quản lý thu		100	
7	Thuế thu nhập cá nhân			
a	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục thuế tỉnh quản lý thu; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100		
b	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục thuế khu vực quản lý thu thuế; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện		100	
c	Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn			100
d	Thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế		100	
đ	Thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản		100	
e	Thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước			
+	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục thuế tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước	100		
+	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục thuế khu vực quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước		100	
+	Do UBND xã, phường, thị trấn thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước			100
f	Thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác			
+	Do Cục thuế tỉnh quản lý thu	100		
+	Do Chi cục thuế khu vực quản lý thu		100	
8	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		100	
	Riêng thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đối với hoạt động khoáng sản	30	70	

9	Thu tiền sử dụng đất (không kể thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với nhà trên đất hoặc tài sản khác trên đất thuộc sở hữu nhà nước)			
	Thu từ quỹ đất tạo ra bởi các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng bằng: nguồn vốn ngân sách tỉnh hoặc vốn NSTW (bao gồm cả dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay, sau đó hoàn trả bằng nguồn ngân sách tỉnh); nguồn vốn ngân sách tỉnh lồng ghép nguồn vốn ngân sách cấp huyện.	80	20	
	Thu từ quỹ đất tạo ra bởi các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện (bao gồm cả dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay, sau đó hoàn trả bằng nguồn ngân sách cấp huyện).	30	70	
	Thu từ quỹ đất giao cho các doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư các dự án trên địa bàn các huyện và thành phố Lai Châu; thu từ quỹ đất gắn với tài sản do các cơ quan, đơn vị tỉnh trực tiếp quản lý, khai thác.		80	20
	Thu tiền từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.	100		
10	Thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nộp	100		
11	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	Các tổ chức kinh tế nộp		100	
	Các hộ gia đình nộp			100
12	Lệ phí trước bạ			
	Lệ phí trước bạ nhà, đất		30	70
	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy		100	
	Lệ phí trước bạ khác		100	
13	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		30	70
14	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (bao gồm cả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với nhà)			
a	Tiền cho thuê nhà			
+	Nhà do cơ quan, đơn vị tỉnh quản lý	100		
+	Nhà do cơ quan, đơn vị thuộc huyện/thành phố quản lý		100	
b	Tiền bán nhà ở (bao gồm cả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với nhà)			
+	Nhà do cơ quan, đơn vị tỉnh quản lý	100		
+	Nhà do cơ quan, đơn vị thuộc huyện/thành phố quản lý	100		
15	Thu từ bán tài sản gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất (bao gồm cả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản; không kể bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước) do các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý			
	Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100		
	Do cơ quan cấp huyện xử lý		100	

16	Thu từ xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100		
17	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản			
	Do Cục thuế tỉnh quản lý thu	100		
	Do Chi cục thuế khu vực quản lý thu		100	
18	Các khoản Phí theo quy định của pháp luật (trừ phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản)			
	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		
	Do các đơn vị cấp huyện, thành phố thu		100	
	Do các đơn vị cấp xã, phường, thị trấn thu			100
19	Các khoản Lệ phí theo quy định của pháp luật (trừ Lệ phí trước bạ nhà, đất; Lệ phí môn bài thu từ hoạt động kinh doanh hộ gia đình, cá nhân)			
	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		
	Do các đơn vị cấp huyện, thành phố thu		100	
	Do các đơn vị cấp xã, phường, thị trấn thu			100
20	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước địa phương ra quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu			
	Thu phạt, tịch thu do cơ quan cấp tỉnh quản lý ra quyết định	100		
	Thu phạt, tịch thu do cơ quan cấp huyện quản lý ra quyết định		100	
	Thu phạt, tịch thu do cơ quan cấp xã quản lý ra quyết định			100
21	Huy động, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước (Theo quy định của pháp luật)			
	Nộp ngân sách tỉnh	100		
	Nộp ngân sách huyện, thành phố		100	
	Nộp ngân sách xã, phường, thị trấn			100
22	Viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài theo quy định của pháp luật			
	Nộp ngân sách tỉnh	100		
	Nộp ngân sách huyện, thành phố		100	
	Nộp ngân sách xã, phường, thị trấn			100
23	Thu hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật			
	Nộp ngân sách tỉnh	100		
	Nộp ngân sách huyện, thành phố		100	
	Nộp ngân sách xã, phường, thị trấn			100
24	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100
25	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương	100		
26	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			
	Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh	100		
	Chuyển nguồn ngân sách cấp huyện, thành phố		100	
	Chuyển nguồn ngân sách xã			100

27	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100		
	Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố		100	
	Ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách cấp xã			100
28	Thu kết dư ngân sách năm trước			
	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	100		
	Kết dư ngân sách cấp huyện		100	
	Kết dư ngân sách cấp xã			100
29	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng (30% số thu đối với giấy phép do Trung ương cấp, 100% số thu đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp); Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.	100		
30	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu.	100		
31	Thu khác từ đất			
	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công do cấp tỉnh quản lý	100		
	Thu tiền đền bù thiệt hại quỹ đất công do cấp huyện quản lý.		100	
	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công ích do xã quản lý.			100
32	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật			
a	<i>Thu phạt vi phạm hành chính đối với các hoạt động khoáng sản</i>			
	Cấp tỉnh quyết định xử phạt	100		
	Cấp huyện quyết định xử phạt		100	
	Cấp xã quyết định xử phạt			100
b	<i>Thu khác theo quy định của pháp luật theo từng cấp quản lý (kể cả tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành khác quản lý)</i>			
	Đơn vị Trung ương nộp	100		
	Đơn vị tỉnh nộp	100		
	Đơn vị huyện, thành phố nộp (bao gồm cả các đơn vị thuộc Trung ương, tỉnh thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn huyện, thành phố)		100	
	Xã, phường, thị trấn nộp			100

2. Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu (không kể thu tiền sử dụng đất, bán trụ sở) từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách

làm thu ngân sách huyện/thành phố được hưởng tăng lớn (từ 10% dự toán thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp trở lên hoặc từ 5 tỷ đồng trở lên) thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thỏa thuận thu về ngân sách tỉnh số tiền này và thực hiện bổ sung một phần cho ngân sách huyện/thành phố để hỗ trợ đầu tư công trình hạ tầng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Đối với số tăng thu ngân sách hàng năm của các huyện, thành phố theo tỷ lệ điều tiết trên, sau khi dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ, các huyện, thành phố bố trí cho chi đầu tư phát triển; thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho giai đoạn ổn định ngân sách 2022-2025 theo chỉ đạo của Chính phủ. Đối với nguồn cải cách tiền lương từ tăng thu ngân sách theo tỷ lệ điều tiết, sau khi các huyện, thành phố sử dụng để cải cách tiền lương, nếu còn dư phải nộp về ngân sách tỉnh để điều hòa nguồn cải cách tiền lương của ngân sách địa phương.

2.2. Phân cấp nhiệm vụ chi

Việc quy định phân cấp nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách (Cấp tỉnh; cấp huyện và cấp xã) kế thừa Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND và quy định tại điều 37 của Luật Ngân sách nhà nước; Để việc nắm bắt, tổng hợp giao dự toán, quyết toán đảm bảo theo ngành và lĩnh vực, dự thảo điều chỉnh lồng ghép nhiệm vụ chi chương trình mục tiêu quốc gia, chi thực hiện các đề án, nghị quyết vào nhiệm vụ chi đầu tư, chi thường xuyên tương ứng các sự nghiệp; đồng thời bổ sung một số nhiệm vụ chi phát sinh theo quy định như: Chi hoạt động quy hoạch đối với các dự án do cấp tỉnh phê duyệt; hoạt động thương mại, du lịch do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện; các sự nghiệp kinh tế khác do tỉnh quản lý; các khoản chi hỗ trợ theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015..., cụ thể như sau:

2.2.1. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Chi đầu tư phát triển

1. Đầu tư cho các công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại Điều 9 Quy định này từ các nguồn vốn đầu tư:

a) Nguồn xây dựng cơ bản tập trung; nguồn chương trình mục tiêu, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương; nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, bán trụ sở và tiền san tạo mặt bằng.

c) Nguồn vốn vay của tỉnh.

d) Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

đ) Chi trả nợ gốc, lãi, phí vay theo quy định.

e) Các nguồn vốn hợp pháp khác do tỉnh quản lý.

2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi thường xuyên cho các lĩnh vực

1. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

2. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, gồm:

a) Giáo dục THPT; phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục thường xuyên hướng nghiệp và các hoạt động giáo dục khác của tỉnh.

b) Giáo dục đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn, đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, gồm:

a) Truyền thông, giáo dục sức khỏe; y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng; giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần; an toàn thực phẩm; kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, kiểm định vắc xin, sinh phẩm; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và các hoạt động y tế khác.

b) Dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản.

c) Bảo hiểm y tế cho các đối tượng được nhà nước đóng và hỗ trợ.

4. Sự nghiệp khoa học và công nghệ, gồm: Nghiên cứu khoa học; Ứng dụng khoa học và công nghệ; Các hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ khác.

5. Sự nghiệp văn hóa, thông tin, gồm: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, thông tin và các hoạt động văn hoá - thông tin khác.

6. Sự nghiệp phát thanh - truyền hình, gồm: Phát thanh, truyền hình và các hoạt động phát thanh - truyền hình khác.

7. Sự nghiệp thể dục thể thao, gồm: Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh, tham gia

các giải thi đấu do Trung ương tổ chức; Hoạt động của các cơ sở thi đấu thể dục thể thao; Các hoạt động thể dục thể thao khác.

8. Các hoạt động kinh tế, gồm:

a) Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, kè, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do các đơn vị tỉnh quản lý; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do các đơn vị tỉnh quản lý.

b) Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông khác do tỉnh quản lý; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường tỉnh quản lý.

c) Sự nghiệp tài nguyên: Quản lý đất đai; Đo đạc địa chính chính quy, cấp giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; Địa chất và khoáng sản; Tài nguyên nước; Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống quan trắc tự động, liên tục (đất, nước, không khí); xây dựng hệ thống theo dõi giám sát khai thác khoáng sản; xây dựng hệ thống quản lý, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước; Viễn thám; Đa dạng sinh học và các nhiệm vụ chi khác thuộc lĩnh vực tài nguyên.

d) Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước và các sự nghiệp thị chính khác.

đ) Hoạt động quy hoạch đối với các dự án do cấp tỉnh phê duyệt.

e) Hoạt động thương mại, du lịch do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

f) Các sự nghiệp kinh tế khác do tỉnh quản lý.

9. Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Các nội dung theo Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

10. Chi bảo đảm xã hội

Bao gồm cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác do cơ quan cấp tỉnh thực hiện; Chi thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

11. Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

12. Chi hoạt động của cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh.

13. Chi hoạt động của các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

14. Chi hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ được tỉnh giao.

15. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản chi khác của ngân sách tỉnh

1. Chi trả nợ lãi, phí các khoản do tỉnh vay, tạm ứng.

2. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

3. Chi bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố.

4. Chi chuyển nguồn ngân sách tỉnh năm trước sang năm sau.

5. Chi Chương trình MTQG, Chương trình mục tiêu, dự án và nhiệm vụ khác bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

6. Chi thực hiện các đề án, nghị quyết theo ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi bổ sung các quỹ nhà nước được trích lập theo quy định của pháp luật.

8. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

9. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.2.2. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

a) Chi đầu tư phát triển

1. Đầu tư cho các công trình, dự án do cấp huyện quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại Điều 12 Quy định này từ các nguồn vốn đầu tư:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do huyện, thành phố quản lý theo phân cấp. Riêng đối với thành phố Lai Châu được phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp và các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị.

b) Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: ((Chi đầu tư hạ tầng các khu, điểm quy hoạch bán đấu giá quyền sử dụng đất; chi đầu tư chương trình xây dựng nông thôn mới), ...); chi bán tài sản gắn liền với đấu giá quyền sử dụng đất.

c) Nguồn bổ sung có mục tiêu có tính chất XDCB từ ngân sách tỉnh.

d) Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu được phân cấp theo quy định.

2. Các khoản chi đầu tư phát triển khác do huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Chi thường xuyên cho các lĩnh vực

1. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thuộc cấp huyện.
2. Chi sự nghiệp giáo dục: Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở) và chi sự nghiệp giáo dục khác do cấp huyện quản lý.
3. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, đào tạo lại cán bộ, đào tạo nghề xã hội, đào tạo cho lao động nông thôn do cấp huyện quản lý.
4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (trừ nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).
5. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Tổ chức các hoạt động nghệ thuật và giải trí liên hoan, hội thi hội diễn và các hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý.
6. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác do cấp huyện quản lý.
7. Sự nghiệp thể dục, thể thao: Bao gồm bồi dưỡng, tập huấn tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do cấp huyện quản lý.
8. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Các nội dung theo Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.
9. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp huyện quản lý, gồm:
 - a) Sự nghiệp thị chính: Xây dựng, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chăm sóc cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác do cấp huyện quản lý;
 - b) Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác do cấp huyện quản lý; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp huyện quản lý.
 - c) Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, chi thực hiện cấp bù miễn thủy lợi phí do cấp huyện quản lý; chi thực hiện các đề án, nghị quyết phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành.
 - d) Sự nghiệp tài nguyên: Chi quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước; đo đạc địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hàng năm; thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ theo quy định của Luật Đất đai; xây dựng giá đất; quản lý, tập

huấn, tuyên truyền, thu thập, xử lý thông tin, lưu trữ, cập nhật và cung cấp tư liệu đo đạc bản đồ và quản lý đất đai do cấp huyện quản lý.

đ) Sự nghiệp kinh tế khác: Chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp kinh tế thuộc cấp huyện, chi cho công tác lập quy hoạch theo từng lĩnh vực do cấp huyện thực hiện và chi các chương trình kinh tế khác do cấp huyện quản lý.

e) Hoạt động quy hoạch đối với các dự án do cấp huyện phê duyệt.

f) Hoạt động thương mại, du lịch do cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện.

g) Các sự nghiệp kinh tế khác.

10. Chi đảm bảo xã hội: Bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật; các hoạt động xã hội không tập trung như cứu tế xã hội, cứu đói giáp hạt; thăm hỏi các đối tượng chính sách nhân ngày lễ, tết; chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các chính sách an sinh xã hội do cấp huyện quản lý.

11. Chi quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng, Đoàn thể do cấp huyện quản lý.

12. Chi hoạt động ở cấp huyện của các tổ chức: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

13. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ được huyện giao.

14. Các khoản chi thường xuyên khác ở cấp huyện theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản chi khác của ngân sách cấp huyện

1. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã.

2. Chi chuyển nguồn ngân sách huyện năm trước sang năm sau.

3. Chi sự nghiệp trong các chương trình, mục tiêu, dự án, nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

4. Chi bổ sung các quỹ nhà nước được trích lập theo quy định của pháp luật.

5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

6. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

a) Chi đầu tư phát triển

Đầu tư cho các công trình, dự án do cấp xã quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại Điều 15 Quy định này từ các nguồn vốn đầu tư:

1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, duy tu, sửa chữa các công trình phúc lợi xã hội do xã, phường, thị trấn quản lý.
2. Chi từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.
3. Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu được phân cấp theo quy định.
4. Các nguồn vốn hợp pháp khác do xã quản lý.

b) Chi thường xuyên cho các lĩnh vực

1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:
 - a) Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ.
 - b) Chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của pháp luật.
 - c) Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.
 - d) Các khoản chi khác theo chế độ quy định.
2. Sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ các hoạt động giáo dục trên địa bàn xã; Chi hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng.
3. Sự nghiệp văn hóa, thông tin: Chi hoạt động văn hóa, thông tin.
4. Sự nghiệp phát thanh: Chi hoạt động phát thanh.
5. Sự nghiệp thể dục thể thao: Chi hoạt động thể dục thể thao.
6. Sự nghiệp môi trường: Các nội dung theo Khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.
7. Chi cho các hoạt động kinh tế, gồm:
 - a) Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý (Trừ sửa chữa, cải tạo vỉa hè, đường nội thị, đèn chiếu sáng, công viên, cây xanh của các xã, thị trấn trung tâm huyện lỵ và các phường của thành phố Lai Châu).
 - b) Hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: Khuyến nông, khuyến ngư, bảo vệ và phòng chống cháy rừng theo phân cấp và các sự nghiệp kinh tế khác trên địa bàn.

c) Chi từ nguồn thu hoạt động khoáng sản: Tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về hoạt động khoáng sản; đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn môi trường nơi khai thác, chế biến khoáng sản và các khoản chi khác.

d) Chi thực hiện các đề án, nghị quyết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Hoạt động của cơ quan nhà nước, cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp xã; chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, trực thuộc đảng bộ bộ phận.

9. Hoạt động ở cấp xã của các tổ chức: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

10. Chi thực hiện chính sách người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác theo chế độ quy định.

11. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ được cấp xã giao.

12. Chi cho công tác (đảm bảo) xã hội do xã quản lý, gồm: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không bao gồm các đối tượng do tổ chức bảo hiểm chi trả); mai táng phí cho các đối tượng theo phân cấp; chi thăm hỏi các gia đình chính sách; chi trợ giúp xã hội và chi cho công tác xã hội khác do cấp xã quản lý.

13. Các khoản chi thường xuyên khác ở cấp xã theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã

1. Chi chuyển nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn năm trước sang năm sau.

2. Chi sự nghiệp trong các chương trình, mục tiêu, dự án, nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

3. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Xin gửi kèm theo Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Sở Tài chính.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

